

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

độc lập - Tự do - Hạnh phúc

II

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT VIỆT

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.
- Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24/04/2007 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán.
- Quyết định 126/2009/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 sửa đổi bổ sung một số điều khoản của Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC.
- Điều lệ công ty của các công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Việt thông qua ngày 18 tháng 08 năm 2008.

CHÍNH NGHĨ:

NGHĨ QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong những thuật ngữ các điều khoản hợp đồng của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như quy định dưới đây:
 - a. “**Công ty**” có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán NHẬT VIỆT.
 - b. “**a bản kinh doanh**” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
 - c. “**Vốn điều lệ**” có nghĩa là số vốn do công đồng cam kết góp trong đợt đầu tiên của công ty và ghi vào Điều lệ Công ty.
 - d. “**Luật Chứng khoán**” có nghĩa là Luật Chứng khoán của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006.
 - e. “**Luật Doanh nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
 - f. “**Điều lệ**” có nghĩa là một điều khoản của Điều lệ này.
 - g. “**Ngày thành lập**” có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động 13 tháng 10 năm 2008.

h. “**Pháp luật**” là tập thể những văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của ban hành ngày 12 tháng 11 năm 1996.

i. “**Ngân quỹ quản lý Công ty**” có nghĩa là Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán NH T VI T

j. “**Những người liên quan**” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.

k. “**Công lợi**” là công suất hoặc lợi ích gián tiếp 5% trở lên của phiếu có quy định về quy tắc đầu tư của công ty.

l. “**Cổ phần ưu đãi ưu tiên**” là cổ phần có số phiếu ưu tiên nhỏ hơn số phiếu phổ thông.

m. “**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

n. “**UBCKNN**” có nghĩa là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

o. **Ngân quỹ quản lý khác:** Là các vị trí Trưởng phòng.

2. Trong Điều 1 này, việc tham chiếu từ bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.

3. Các tiêu chuẩn áp dụng vào chứng khoán theo dõi và không những quy định tại Điều này. Các tổ chức thu thập dữ liệu chứng khoán trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tại một trong những điều này nếu không mâu thuẫn với chức năng của chúng.

Điều 2. Hình thức, tên gọi, trụ sở Công ty và ngân quỹ đầu tư theo pháp luật

1. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Tên Công ty:

- ❖ Tên giao dịch chính thức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NH T VI T
- ❖ Tên viết tắt bằng tiếng Việt: CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NH T VI T
- ❖ Tên giao dịch tiếng Anh: VIET FIRST SECURITIES CORPORATION
- ❖ Tên giao dịch viết tắt: VFS
- ❖ Biểu tượng, Logo: Do HĐQT quy định.

3. Trụ sở Công ty:

- ❖ Địa chỉ: Số 01 Đường Phạm Việt Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh
- ❖ Điện thoại: 08-3.9251225
- ❖ Fax: 08-3.9251229
- ❖ Email:
- ❖ Địa chỉ trang web: vfs.com.vn

4. Ngân quỹ đầu tư theo pháp luật

- a. Chủ tịch HĐQT là ngân quỹ đầu tư theo pháp luật của công ty;

b. Ng i i di n theo pháp lu t c a công ty theo quy nh t i i u l này ph i th ng trú Vi t Nam; tr ng h p v ng m t Vi t Nam trên ba m i ngày thì ph i u quy n b ng v n b n cho ng i khác theo quy nh pháp lu t th c hi n các quy n v à ngh a v c a ng i i di n theo pháp lu t c a công ty.

5. Công ty có th thành l p, óng c a chi nhánh, v n phòng i di n, phòng giao d ch, t i a bàn ho t ng ho c kinh doanh sau khi c U ban Ch ng khoán Nhà n c ch p thu n b ng v n b n.

i u 3. Th i h n ho t ng c a công ty

Th i gian ho t ng Công ty là k t ngày c UBCKNN c p gi y phép thành l p và ho t ng t i vô h n, tr khi ch m d t ho t ng tr c th i h n theo i u 44 c a i u l .

CHU NG II.

M C TIÊU, NGUYÊN T C, PH M VI HO T NG VÀ H N CH I V I CÔNG TY

i u 4. Các l nh v c kinh doanh

1. L nh v c kinh doanh c a công ty:

- ❖ Môi gi i ch ng khoán;
- ❖ T doanh ch ng khoán;
- ❖ L u ký ch ng khoán.
- ❖ T v n u t ch ng khoán, t v n tài chính và các d ch v tài chính khác.

2. Công ty có th ti n hành thay i ho c b sung m t trong nh ng lo i hình kinh doanh trên sau khi c U ban Ch ng khoán Nhà n c phê duy t.

i u 5. M c tiêu ho t ng

1. M c tiêu c a công ty là: t ng b c m r ng th tr ng, y m nh kinh doanh, t o vi c làm cho ng i lao ng. Công ty C ph n Ch ng khoán Nh t Vi t c thành l p v i m c ích tham gia cung c p nh ng nghi p v ch ng khoán chuyên nghi p, góp v n vào s phát tri n m nh m c a th tr ng ch ng khoán v i ph ng châm “ an toàn, hi u qu , chuyên nghi p và c nh tranh”.

2. Công ty có th có các m c tiêu khác trong quá trình ho t ng phù h p v i quy nh c a pháp lu t. N u b t k m c tiêu nào trong s nh ng m c tiêu này c n ph i có s phê duy t thì Công ty ch có th th c hi n m c tiêu ó sau khi c c quan có th m quy n phê duy t.

3. L i ích : Vi c thành l p Công ty C ph n Ch ng khoán Nh t Vi t s góp ph n áp ng nhu c u v các d ch v t v n c a cá nhân và các t ch c, tham gia vào ti n trình phát tri n c a th tr ng ch ng khoán có t ch c theo chi n l c phát tri n th tr ng ch ng khoán n n m 2010 c a Chính ph .

Điểm 6. Nguyên tắc kinh doanh chính khoản

Nguyên tắc chung:

Tuân thủ pháp luật về chính khoản và thủ tục chính khoản và các pháp luật khác;

- ❖ Tuân thủ các quy định;
- ❖ Liêm khiết và trung thực trong kinh doanh mọi cách công bằng;
- ❖ Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng mọi cách tốt nhất
- ❖ Đảm bảo quyền lợi của công dân, xã hội và các sự vật chất tinh thần khác theo trung thực trong kinh doanh chính khoản và ban hành bằng văn bản các quy trình thủ tục nghiêm ngặt về kinh doanh phù hợp;
- ❖ Chăm sóc khách hàng trên cơ sở niềm tin thu thập thông tin về khách hàng;
- ❖ Phi cung cấp cho khách hàng thông tin cần thiết cho việc ra quyết định của khách hàng;
- ❖ Phi trốn tránh không công khai xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, công ty phải thông báo trước cho khách hàng và/hoặc áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ công bằng với khách hàng;
- ❖ Ban hành và áp dụng các quy trình nghiêm ngặt trong công ty phù hợp với quy định của Luật Chính khoản.

Điểm 7. Phạm vi hoạt động kinh doanh

Công ty chỉ có phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh trong nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chính khoản và các Luật Chính khoản cho phép.

Trường hợp công ty cung cấp dịch vụ, sản phẩm mới phải được sự cho phép của Ủy ban Chính khoản Nhà nước.

Điểm 8. Quy định và nghĩa vụ của công ty

1. Quy định của công ty:

- ❖ Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng về giao dịch chính khoản, ký và lưu ký chính khoản;
- ❖ Trung thực thu phí theo các mức phí, lệ phí do Bộ Tài chính quy định;
- ❖ Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Luật Lao động, tôn trọng quyền tự do công đoàn theo quy định của pháp luật;
- ❖ Các quy định khác theo quy định của điều lệ này và pháp luật.

2. Nghĩa vụ của công ty:

- ❖ Thi hành thủ tục kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa ăn hối lộ xung đột lợi ích trong nội bộ công ty và trong giao dịch với người có liên quan.

- ❖ Quản lý tách biệt chi ngân khoản cá nhân và chi ngân khoản công ty cá nhân và chi ngân khoản công ty cá nhân.
- ❖ Ký hợp đồng bán hàng và dịch vụ khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp ý kiến, trung thực thông tin cho khách hàng.
- ❖ Ưu tiên thực hiện nhu cầu khách hàng trước nhu cầu công ty.
- ❖ Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mức tiêu dùng, khả năng chi trả của khách hàng; báo cáo các khuyến nghị, tận dụng các cơ hội cho khách hàng phù hợp với khách hàng đó.
- ❖ Tuân thủ các quy định báo cáo và kế toán theo quy định của Bộ Tài chính.
- ❖ Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chi ngân khoản tại công ty hoặc trích lập quỹ báo cáo và chi trả bồi thường thiệt hại cho nhà quản lý do sơ suất và sự cố của nhân viên trong công ty.
- ❖ Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của công ty.
- ❖ Thực hiện việc bán hàng cho khách hàng bán chi ngân khoản khi không sử dụng chi ngân khoản và cho khách hàng vay chi ngân khoản bán theo quy định của Bộ Tài chính.
- ❖ Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về nghiệp vụ kinh doanh chi ngân khoản.
- ❖ Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, ngân sách tài chính theo quy định của pháp luật.
- ❖ Thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 104 của Luật Chứng khoán và chế độ báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính.
- ❖ Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Quy chế của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và Lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

Điều 9. Các quy định khác về Công ty

1. Quy định khác về Công ty

- ❖ Không được nhận tiền hoặc báo cáo của khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận thực trên khoản đầu tư của mình hoặc báo cáo khách hàng không bắt buộc, ngoi trừ đầu tư vào chi ngân khoản có thu nhập cố định;
- ❖ Không tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của các quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- ❖ Không thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá trị chi ngân khoản;
- ❖ Không cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán, trừ trường hợp Bộ Tài chính có quy định khác.

- ❖ Không được cho vay dưới bất kỳ hình thức nào vì vì các công lý n, thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban giám đốc và người liên quan của các đơn vị nêu trên
2. Quy định hạn chế vì vì Tổng Giám đốc công ty và người hành nghề kế toán của công ty:
- ❖ Không được đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sử dụng vì vì công ty khi còn đang làm việc tại công ty.
 - ❖ Không được đồng thời làm việc cho công ty kế toán khác;
 - ❖ Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của một tổ chức chào bán kế toán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết.
 - ❖ Chức danh tài khoản giao dịch kế toán cho mình tại chính công ty;
 - ❖ Không được sử dụng tín dụng kế toán trên tài khoản của khách hàng khi không có khách hàng uỷ thác;

Điều 10. Các quy định về kiểm soát nội bộ

1. Quy trình kiểm soát nội bộ được lập chính thức bằng văn bản và được công bố trong nội bộ công ty.
2. Mọi nhân viên của công ty đều phải tuân thủ hệ thống kiểm soát nội bộ.
3. Ban kế toán công ty tiến hành kiểm tra và nâng cao hiệu quả của các biện pháp kiểm soát nội bộ.
4. Ban phân kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ được tuân thủ, ban kế toán báo cáo kết quả lên người quản lý công ty nâng cao hiệu quả của các biện pháp kiểm soát nội bộ.

Điều 11. Các quy định về bảo mật thông tin

1. Công ty phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sử dụng kế toán và tín dụng của khách hàng, tổ chức vì vì kiểm tra, phong toả, chứng cứ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.
2. Quy định tài khoản liên quan này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - ❖ Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty;
 - ❖ Khách hàng của công ty muốn biết thông tin liên quan đến sử dụng kế toán và tín dụng của chính họ;
 - ❖ Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 12. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp

1. Ban quy tắc đạo đức nghề nghiệp của UBCKNN ban hành dưới hình thức văn bản nội bộ của công bố rộng rãi trong công ty.
2. Mọi nhân viên của công ty đều phải tuân thủ nghiêm ngặt tập quy tắc này.

3. Bộ phận kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ quy tắc nội bộ công ty và nhân viên công ty.

CHƯƠNG III.

VĂN I U L , C ÔNG SÁNG L P C A CÔNG TY

Điều 13. Văn i u l

- Vào ngày thông qua điều lệ này, văn i u l của công ty là **135.000.000.000** đồng (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng chẵn).
- Các công đồng sáng lập sẽ cùng nhau ký kết Biên bản cam kết góp vốn trong đó quy định về số vốn góp, thời hạn góp, cách thức góp vốn, cách thức góp tiền trước khi thành lập công ty vào một tài khoản mở tại ngân hàng, quy định về hình thức, tỷ lệ % góp và các quy định khác liên quan đến phần vốn góp trước khi thành lập công ty.

Điều 14. Cách thức đăng, ghi m v n i u l

- Việc đăng, ghi m v n i u l của công ty phải thực hiện phù hợp với quy định pháp luật.
- Công ty có thể đăng văn i u l thông qua quy định của chính quyền công cộng và phù hợp với các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi:
 - ❖ Công ty có nhu cầu mở quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh; hoặc
 - ❖ Công ty đăng ký m v n hoạt động kinh doanh chứng khoán hiện tại và dự định phát hành trái phiếu công cộng.
- Văn i u l của công ty sẽ chịu chi phí đăng trong các trường hợp sau:
 - ❖ Phát hành chứng phiếm để huy động thêm vốn theo quy định của pháp luật;
 - ❖ Chuyển nhượng trái phiếu đã phát hành thành công;
 - ❖ Thực hiện các thủ tục đăng ký;
 - ❖ Các chi phí đăng ký khác.
- Việc ghi m v n i u l công ty do chính quyền công cộng quy định như sau:
 - ❖ Đăng ký m v n i u l công ty do chính quyền công cộng quy định như sau.

Điều 15. Công đồng sáng lập của công ty

- Họ tên, địa chỉ Công đồng sáng lập công ty:

TT	Họ tên	Địa chỉ	Quốc tịch	Số CMND/SKKD	Ngày cấp	Nơi cấp
1	Công ty Liên doanh Vina Toyo	61/6 Trường Trẻ, P. Linh Xuân, Q. Thủ Đức, Tp. HCM		104/GP-HCM	31/08/1999	Số KH& T Tp. HCM
2	Công ty Cổ phần nhà Máy - Hà	299 Củ Chi, Phường Quan Hoa, Quận Củ Chi		103017540	25/05/2007	Số KH& T

	N i	Gi y, Hà n i				Hà N i
3	Ông Nguy n Anh Tu n	252/1B Cô B c, P. Cô Giang, Qu n 1, Tp. HCM	Vi t Nam	022319040	04/12/2006	Công An Tp. HCM
4	Ông ng c Trung	303/18/10 B n Vân n, P.2, Qu n 4, HCM	Vi t Nam	023645196	09/06/1998	Công An Tp. HCM

- S c ph n c a C ông sáng l p, t l n m gi c a C ông sáng l p:

H và tên C ông	C c u c ph n		Giá tr c phi u (ng)
	C ph n ph thông	T l (%)	
Công ty Liên doanh Vina Toyo	675.000	5,00	6.750.000.000
Công ty CP C n nhà M c- Hà N i	600.000	4,44	6.000.000.000
Ông Nguy n Anh Tu n	850.000	6,30	8.500.000.000
Ông ng c Trung	575.000	4,26	5.750.000.000
T ng c ng	2.700.000	20,00	27.000.000.000

i u 16. H n ch i v i quy n c a c ông sáng l p c a công ty

1. C ông sáng l p c a công ty không c chuy n nh ng c ph n ho c ph n v n góp c a mình trong th i h n 03 n m k t ngày c c p Gi y phép thành l p và ho t ng, tr tr ng h p chuy n nh ng cho c ông sáng l p khác trong công ty. Các c ông khác là thành viên H i ng qu n tr , c ông gi ch c v Giám c, T ng Giám c công ty c ng ph i tuân th các h n ch t i i u này.

2. C ông sáng l p không c trích l i nhu n khi công ty không thanh toán các kho n n và các ngh a v tài s n khác n h n.

i u 17. C c u góp v n

T ng s c ph n c a Công ty là: 13.500.000 c ph n

Trong ó: S c ph n ph thông là 13.500.000 c ph n

S c ph n u ãi: không có.

M nh giá: 10.000 vn (M i nghìn ng)

C c u c ph n c a công ty:

H và tên C ông	C c u c ph n		Giá tr c phi u (ng)
	C ph n ph thông	T l (%)	
C ông sáng l p	2.700.000	20,00	27.000.000.000
Công ty Liên doanh Vina Toyo	675.000	5,00	6.750.000.000

Công ty CP C n nhà M c- Hà N i	600.000	4,44	6.000.000.000
Ông Nguy n Anh Tu n	850.000	6,30	8.500.000.000
Ông ng c Trung	575.000	4,26	5.750.000.000
C ông khác	10.800.000	80,00	108.000.000.000
T ng c ng	13.500.000	100,00	135.000.000.000

i u 18. S ng ký c ông

- Công ty ph i l p và l u gi s ng ký c ông t khi c c p Gi y phép thành l p và ho t ng.
- S ng ký c ông ph i có các n i dung ch y u nh sau:
 - ❖ Tên, a ch tr s chính c a công ty;
 - ❖ H , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác i v i c ông là cá nhân; tên, a ch tr s , qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh i v i thành viên, c ông là pháp nhân;
 - ❖ S l ng c ph n t ng lo i c a m i C ông, ngày ng ký c ph n;
 - ❖ T ng s c ph n c quy n chào bán, lo i c ph n c quy n chào bán và s c ph n c quy n chào bán c a t ng lo i;
 - ❖ T ng s c ph n ã bán c a t ng lo i và giá tr v n c ph n ã góp.
- Hình th c S ng ký c ông: c l p thành v n b n và t p d li u i n t .
- S ng ký c ông c l u gi t i tr s chính công ty.

i u 19. Quy n và ngh a v c a c ông ph thông

1. Quy n c a c ông

1.1. Ng i n m gi c ph n ph thông có các quy n sau:

- ❖ Tham d và bi u quy t trong các cu c h p i h i ng c ông và th c hi n quy n bi u quy t tr c ti p ho c thông qua i đi n c u quy n; m i c ph n ph thông có m t phi u bi u quy t;
- ❖ c nh n c t c v i m c theo quy t nh c a i h i ng c ông;
- ❖ c u tiên mua c ph n m i chào bán t ng ng v i t l c ph n ph thông c a t ng c ông trong công ty;
- ❖ c t do chuy n nh ng c ph n ã c thanh toán y c a mình cho c ông khác và cho ng i không ph i là c ông tr tr ng h p h n ch chuy n nh ng quy nh t i kho n l i u 16 c a i u l này;
- ❖ c ghi trong s ng ký c ông c a công ty
- ❖ Xem xét, tra c u và trích l c các thông tin trong Danh sách c ông có quy n bi u quy t và yêu c u s a i các thông tin không chính xác;

- ❖ Xem xét, tra cứu và trích lục hồ sơ sao chép từ công ty, sổ biên bản họp hội đồng và các nghị quyết của hội đồng;
- ❖ Khi công ty ghi nhận khoản lỗ, các khoản tài sản còn lại không đủ để chi trả các khoản nợ, công ty phải lập kế hoạch để xử lý các khoản nợ này;
- ❖ Công ty là thành viên của các tổ chức kinh tế khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhu cầu tham gia các tổ chức kinh tế khác thì phải xin ý kiến của Hội đồng và sự đồng ý của Ban Giám đốc. Việc tham gia các tổ chức kinh tế khác phải được thông báo bằng văn bản đến công ty trong thời hạn sớm nhất;
- ❖ Các quy định khác phù hợp với quy định pháp luật.

1.2. Công ty có nhóm công suất 10% trở lên các ngành sản phẩm phải thông báo trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quy định sau:

- ❖ Đăng ký vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định tại mục 4 điều 79 Luật doanh nghiệp;
- ❖ Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mục 4.1.1. Điều 14 Luật doanh nghiệp và các báo cáo của Ban Kiểm soát;
- ❖ Yêu cầu trực tiếp họp hội đồng theo quy định tại mục 3 điều 79 Luật doanh nghiệp;
- ❖ Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra, giám sát các thành viên liên quan quản lý, điều hành hoạt động của công ty theo quy định tại mục 2 điều 79 Luật doanh nghiệp;
- ❖ Các quy định khác phù hợp với quy định pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Công ty

- ❖ Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào công ty;
- ❖ Tuân thủ điều lệ công ty và quy chế quản lý nội bộ công ty;
- ❖ Chấp hành quyết định của hội đồng, Hội đồng quản trị;
- ❖ Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty đi mua hình thức thanh toán trong các hành vi sau:
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch không nhằm mục đích lợi ích của công ty và gây thiệt hại cho người khác;
 - Thanh toán các khoản nợ của nhân viên công ty tài chính có thể xảy ra vì công ty;
- ❖ Thực hiện các nghĩa vụ khác do pháp luật quy định.

Điểm 20. Công phiếu, công phẩn, phát hành công phiếu của công ty công phẩn

1. Hình thức công phiếu:

Tất cả các công phẩn của phát hành của công ty đều là công phẩn phổ thông. Nếu công phiếu hàng công chấp thuận, công ty có thể có công phẩn ưu đãi.

2. Phát hành công phiếu

Công ty của phát hành công phiếu và việc phát hành công phiếu trên thị trường chứng khoán được thực hiện theo quy định và chào bán chứng khoán ra công chúng của Luật Chứng khoán

Điểm 21. Chào bán và chuyển nhượng công phẩn

1. Chào bán công phẩn:

❖ Công ty của chào bán công phiếu ra công chúng khi đáp ứng các điều kiện chào bán công phiếu ra công chúng theo quy định tại Luật Chứng khoán;

❖ Công ty phải ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi thực hiện chào bán công phiếu ra công chúng;

❖ Phương thức, thủ tục chào bán công phiếu ra công chúng được thực hiện theo quy định và chào bán chứng khoán ra công chúng của Luật Chứng khoán.

2. Chuyển nhượng công phẩn:

Các công phẩn do chuyển nhượng, trừ các trường hợp sau:

❖ Công phẩn ưu đãi bị quy định;

❖ Công phẩn phổ thông của các công sở sáng lập, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc công ty quy định tại khoản 1 Điều 16 của Điều lệ này;

❖ Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật.

Việc chuyển nhượng công phẩn được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay công phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải có bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đi kèm quy định của pháp luật.

Điểm 22. Mua lại công phẩn

1. Mua lại theo yêu cầu của công sở

Công sở có quyền yêu cầu công ty mua lại công phẩn của mình, nếu công sở có công phiếu không tán thành việc quy định và việc thực hiện công ty của điều kiện hàng công hoặc thay đổi quy định, nghĩa vụ của công sở quy định tại Điều lệ công ty.

Yêu cầu mua lại công phẩn phải có lập văn bản và phải có ghi nhận công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày điều kiện hàng công thông qua quy định và các văn bản quy định tại khoản này.

2. Mua lại theo quy định của công ty .

Công ty có quyền mua lại công phiếu của chính mình không quá 10% tổng số công phẩn phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ công phẩn ưu đãi đã bán theo quy định sau đây:

❖ H i ̣ng qu n tr ̣ có quy n quy t ̣nh mua l i không quá 10% t ̣ng s ̣c ph n c a t ̣ng lo i ̣ ã c chào bán trong m i m i hai tháng;

❖ Trong tr ̣ng h ̣p khác, vi c mua l i c ph n do i h i ̣ng c ̣ng quy t ̣nh;

i u 23. i u ki n thanh toán c ph n c mua l i

Công ty ch ̣c quy n thanh toán c ph n c mua l i cho c ̣ng theo quy nh t i i u 22 c a i u l ̣ này n u ngay sau khi thanh toán h t s ̣c ph n c mua l i, công ty v n m b o thanh toán c ̣c kho n n v à ngh a v ̣ tài s n khác.

i u 24. Phát hành trái phi u

1. Công ty có quy n phát hành trái phi u, trái phi u chuy n i v à các lo i trái phi u khác theo quy ̣nh c a pháp lu t.

2. H i ̣ng qu n tr ̣ c a công ty có quy n quy t ̣nh lo i trái phi u, t ̣ng giá tr trái phi u, và th i i m phát hành, nh ̣ng H i ̣ng qu n tr ̣ ph i báo cáo i h i ̣ng c ̣ng t i cu c h p g n nh t.

3. Tr ̣ng h ̣p không c quy n phát hành trái phi u:

❖ Không thanh toán c g c và lãi c a trái phi u ã phát hành, không thanh toán ho c thanh toán không c ̣c kho n n n h n trong ba n m li ̣n ti p tr ̣ ó;

❖ T ̣su t l i nhu n sau thu b ̣nh quân c a ba n m li ̣n ti p tr ̣ ó không cao h n m c lãi su t đ ̣ ki n tr ̣ cho trái phi u nh phát h ̣nh;

CH ̣NG IV

C C U T CH C VÀ QU N LÝ CÔNG TY

i u 25. C c u t ch c qu n lý c a công ty theo mô hình Công ty c ph n

❖ i h i ̣ng c ̣ng

❖ H i ̣ng qu n tr ̣

❖ T ̣ng Giám c

❖ Ban Ki m soát

i u 26. i h i ̣ng c ̣ng

1. i h i ̣ng c ̣ng g m t t c c ̣c c ̣ng có quy n bi u quy t, l à c ̣ quan quy t nh cao nh t c a công ty .

2. Quy n và nhi m v c a i h i ̣ng c ̣ng

❖ Thông qua nh h ̣ng phát tri n c a Công ty;

❖ Quy t ̣nh lo i c ph n và t ̣ng s ̣c ph n c quy n chào bán c a t ̣ng lo i; quy t ̣nh m c c t c hàng n m c a t ̣ng lo i c ph n;

❖ B u, mi n nhi m, b ̣i nhi m thành vi ̣n H i ̣ng qu n tr ̣, thành vi ̣n Ban Ki m soát;

- ❖ Quy t nh u t ho c bán s tài s n có giá tr b ng ho c l n h n 50% t ng giá tr tài s n c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t c a công ty;
- ❖ Quy t nh vi c t ng gi m v n i u l c a công ty;
- ❖ Quy t nh s a i, b sung i u l công ty, tr tr ng h p i u ch nh v n i u l do bán thêm c ph n m i trong ph m vi s l ng c ph n c quy n chào bán theo quy nh t i i u l này;
- ❖ Thông qua báo cáo tài chính hàng n m;
- ❖ y quy n cho H i ng qu n tr quy t nh phê duy t l a ch n m t t ch c ki m toán c l p t i n hành ki m toán báo cáo tài chính hàng n m theo quy nh;
- ❖ Xem xét và x lý các vi ph m c a H i ng qu n tr , Ban Ki m soát gây thi t h i cho công ty và c ông c a công ty;
- ❖ Quy t nh t ch c l i và gi i th công ty;
- ❖ Quy t nh m c c t c i v i m i c ph n c a t ng lo i;
- ❖ Các quy n và nhi m v khác phù h p v i quy nh c a pháp lu t;

3. Các i di n c u quy n

C ông là t ch c có quy n c m t ho c m t s ng i i di n theo u quy n th c hi n các quy n c ông c a mình theo quy nh c a pháp lu t. Vi c c , ch m d t ho c thay i ng i i di n theo u quy n u ph i thông báo b ng v n b n n công ty trong th i h n s m nh t.

4. Tri u t p h p i h i ng c ông

4.1. i h i ng c ông h p th ng niên ho c b t th ng; ít nh t m i n m m t l n, a i m h p i h i ng c ông ph i tr ên lãnh th Vi t Nam.

4.2. i h i ng c ông ph i h p th ng niên trong th i h n t i a là 4 tháng k t ngày k t thúc n m tài chính. i h i ng c ông th ng niên th o lu n và thông qua các v n sau:

- ❖ Báo cáo tài chính n m;
- ❖ Báo cáo c a H i ng qu n tr ánh giá th c tr ng công tác qu n lý kinh doanh công ty;
- ❖ Báo cáo c a Ban ki m soát v qu n lý công ty c a H i ng qu n tr , T ng Giám c;
- ❖ M c c t c i v i m i c ph n c a t ng lo i;
- ❖ Các v n khác thu c th m quy n.

4.3. H i ng qu n tr ph i tri u t p i h i ng c ông b t th ng trong các tr ng h p sau:

- ❖ H i ng qu n tr xét th y c n thi t v i l i ích c a công ty;
- ❖ S thành viên H i ng qu n tr còn l i ít h n s thành viên theo quy nh c a pháp lu t;

❖ Theo yêu cầu của công hoc nhóm công quy nh t i kho n 1.2 i u 19 c a i u l này;

❖ Theo yêu cầu của Ban Ki m soát;

❖ Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t.

5. Ch ng trình và n i dung h p i h i ng c ông

5.1. H i ng qu n tr s tri ut p i h i ng c ông.

5.2. Ng i tri ut p i h i ng c ông ph i th c hi n nh ng nhi m v sau ây:

❖ Chu n b m t danh sách các c ông i u ki n tham gia và có quy n bi u quy t t i cu c h p i h i ng c ông trong vòng 30 ngày tr c ngày b t u t i n hành h p i h i ng c ông, ch ng trình h p và các tài li u phù h p v i pháp lu t và các quy nh c a công ty;

❖ Kh ng nh th i gian và a i m cu c h p;

❖ Thông báo cho t t c các c ông v cu c h p và g i thông báo h p i h i ng c ông cho các c ông;

5.3. Thông báo h p i h i ng c ông ph i bao g m ch ng trình h p và các thông tin h p lý v các v n s c th o lu n và bi u quy t t i cu c h p.

6. i u ki n và th th c t i n hành h p i h i ng c ông

6.1. Cu c h p i h i ng c ông c t i n hành khi có s c ông d h p i đi n ít nh t 75% t ng s c ph n có quy n bi u quy t.

6.2. Tr ng h p cu c h p l n th nh t không i u ki n t i n hành theo quy nh t i kho n 1 i u này thì c tri ut p h p l n th hai trong th i h n ba m i ngày, k t ngày d nh h p l n th nh t. Cu c h p c a i h i ng c ông tri ut p l n th hai c t i n hành khi có s c ông d h p i đi n ít nh t 51% t ng s c ph n có quy n bi u quy t.

6.3. Tr ng h p cu c h p tri ut p l n th hai không i u ki n t i n hành theo quy nh t i kho n 2 i u này thì c tri ut p h p l n th ba trong th i h n hai m i ngày, k t ngày d nh h p l n th hai. Trong tr ng h p này, cu c h p c a i h i ng c ông c t i n hành không ph thu c vào s c ông d h p và t l s c ph n có quy n bi u quy t c a các c ông d h p.

7. Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông

7.1. i h i ng c ông thông qua các quy t nh thu c th m q uy n b ng hình th c bi u quy t t i cu c h p ho c l y ý ki n b ng v n b n.

7.2. Quy t nh c a i H i ng c ông c thông qua t i cu c h p khi c s c ông i đi n ít nh t 75% t ng s phi u bi u quy t c a t t c c ông d h p ch p thu n.

i v i quy t nh v lo i c ph n và s l ng c ph n c quy n chào bán c a t ng lo i; s a i, b sung i u l công ty; t ch c l i, gi i th công ty; bán h n 50%

t ng giá tr tài s n c ghi trong s k toán c a công ty thì phi c s c ông i di n ít nh t 75% t ng s phi u bi u quy t c a t t c c ông d h p ch p thu n.

7.3. Tr ng h p thông qua quy t nh d i hình th c l y ý ki n b ng v n b n, thì quy t nh c a i H i ng c ông c thông qua n u c s c ông i di n ít nh t 75% t ng s phi u bi u quy t ch p thu n.

Quy t nh c a i h i ng c ông phi c thông báo n c ông có quy n d h p i h i ng c ông trong th i h n 15 ng ày, k t ngày quy t nh c thông qua.

8. Biên b n h p i h i ng c ông

Ng i tri u t p h p i h i ng c ông là ng i ch trì phiên h p i h i ng. Nh ng ng i tham gia h p c m t th ký ghi biên b n h p. Th ký có quy n ki m tra ho c yêu c u Ban ki m soát xem xét t cách d i h i ng c ông c a nh ng ng i tham gia. i h i ng s quy t nh cu i cùng v v n này.

T t c cu c h p c a i h i ng c ông, H i ng qu n tr phi c ghi vào S biên b n.

i u 27. H i ng qu n tr

1. H i ng qu n tr là c quan qu n lý công ty, có toàn quy n nhân danh công ty quy t nh và th c hi n các quy n và l i ích h p pháp c a công ty không thu c th m quy n c a i h i ng c ông.

2. Quy n và nhi m v c a H i ng qu n tr

- ❖ Quy t nh chi n l c, k ho ch phát tri n trung h n và k ho ch kinh doanh h ng n m c a công ty;
- ❖ Ki n ngh lo i c ph n và t ng s c ph n c quy n chào bán c a t ng lo i;
- ❖ Quy t nh chào bán c ph n m i trong ph m vi s c ph n c quy n chào bán c a t ng lo i; quy t nh huy ng thêm v n theo hình th c khác;
- ❖ Quy t nh giá chào bán c ph n và trái phi u c a công ty;
- ❖ Quy t nh mua l i c ph n theo quy nh t i kho n 2 i u 22 v mua l i c ph n c a công ty;
- ❖ Quy t nh ph ng án u t và d án u t trong th m quy n và gi i h n theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p;
- ❖ Quy t nh gi i pháp phát tri n th tr ng, ti p th và công ngh ; thông qua h p ng mua, bán, cho vay và h p ng khác có giá tr b ng ho c l n h n 50% t ng giá tr tài s n c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t c a công ty, tr h p ng, giao d ch c a công ty v i ng i có liên quan quy nh t i kho n 1 i u 31 c a i u l này;
- ❖ B nhi m, mi n nhi m, cách ch c, ký h p ng, ch m d t h p ng i v i T ng Giám c và **ng i qu n lý quan tr ng khác**; quy t nh m c l ng và l i ích khác c a các cán b qu n lý ó; c ng i i di n theo u quy n th c hi n quy n

s h u c p h n h o c p h n v n g ó p c ó n g t y k h á c , q u y t n h m c t h ù l a o v à l i í c h k h á c c a n h n g n g i ó ;

- ❖ Giám sát, ch o T ng giám c và ng i qu n lý khác trong i u hành công vi c kinh doanh hàng ngày c a công ty;
- ❖ Quy t nh c c u t c h c , quy ch qu n lý n i b công ty, quy t nh thành l p công ty con, l p chi nhánh, v n phòng i di n và vi c góp v n, mua c p h n c a doanh nghi p khác;
- ❖ Duy t ch ng trình, n i dung tài li u p h c v h p i h i ng c ô n g , t r i u t p h p i h i ng c ô n g h o c l y ý k i n i h i ng c ô n g thông qua quy t nh;
- ❖ Trình báo quy t toán tài chính hàng n m lên i h i ng c ô n g ;
- ❖ K i n n g h m c c t c c t r , quy t nh th i h n và th t c t r c t c h o c x lý các kho n l phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- ❖ K i n n g h vi c t c h c l i h o c g i i t h h o c y ê u c u p h á s n c ó n g t y ;
- ❖ Các quy n và nhi m v khác theo quy nh pháp lu t .

3. Tiêu chu n và i u ki n thành viên H i ng qu n tr

- ❖ Có n ng l c hành vi dân s , không thu c i t ng b c m qu n lý doanh nghi p theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p ;
- ❖ Là c ô n g cá n h â n s h u ít nh t 5% t ng s c p h n p h thông; h o c ng i khác không ph i là c ô n g c a công ty nh ng có trình chuyên môn, kinh nghi m trong qu n lý kinh doanh và trong l nh v c ngân hàng, tài chính, b o h i m ;

4. Thành ph n, nhi m k và s l ng thành viên H i ng qu n tr

4.1. H i ng qu n tr c a Công ty do i h i ng c ô n g Công ty b u r a .

4.2. S thành viên H i ng qu n tr t 3-5 thành viên.

4.3. Nhi m k c a H i ng qu n tr và c a thành viên H i ng qu n tr không quá 05 n m .

5. Ch t ch H i ng qu n tr

5.1. Ch t ch H i ng qu n tr do i h i ng c ô n g h o c H i ng qu n tr b u r a . Tr ng h p H i ng qu n tr b u Ch t ch H i ng qu n tr th ì Ch t ch c b u trong s thành viên H i ng qu n tr .

5.2. Ch t ch H i ng qu n tr có các quy n h n và nhi m v sau â y :

- ❖ Là ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty;
- ❖ L p ch ng trình, k h o c h h o t ng c a H i ng qu n tr ;
- ❖ Chu n b ch ng trình, n i dung, các tài li u p h c v c u c h p ; t r i u t p và c h t a c u c h p H i ng qu n tr ;
- ❖ T c h c vi c thông qua quy t nh c a H i ng qu n tr ;
- ❖ Giám sát quá trình t c h c th c h i n các quy t nh c a H i ng qu n tr ;

- ❖ Ch t a các cu c h p i h i ng c ông;
- ❖ Các quy n và nhi m v khác theo quy nh pháp lu t.

6. Cu c h p H i ng qu n tr và biên b n cu c h p

6.1. H i ng qu n tr có th h p nh k ho c b t th ng. Cu c h p nh k c a H i ng qu n tr do Ch t ch H i ng qu n tr tri u t p b t c khi n ào n u th y c n thi t, t i thi u m i quý m t l n.

6.2. H i ng qu n tr c ti n hành khi có t 3/4 t ng s thành viên tham d và c ghi y vào s biên b n. Quy t nh c a H i ng qu n tr c thông qua n u c quá 1/2 s thành viên đ h p ch p thu n. Tr ng h p s phi u ngang nhau thì quy t nh cu i cùng thu c v phía có ý ki n c a Ch t ch H i ng qu n tr .

6.3. Các cu c h p c a H i ng qu n tr u ph i c ghi vào s biên b n. Biên b n ph i có các n i dung theo quy nh t i kho n l i u 113 Lu t Doanh ngh i p.

7. Mi n nhi m, bãi nhi m và b sung thành viên H i ng qu n tr

7.1. Các tr ng h p mi n nhi m, bãi nhi m thành viên H i ng qu n tr trong nhi m k :

- ❖ Thành viên H i ng qu n tr không có tiêu chu n và i u ki n theo quy nh t i kho n 3 i u 27 c a i u l này;
- ❖ Thành viên H i ng qu n tr không tham gia các ho t ng c a H i ng qu n tr trong sáu tháng liên t c, tr tr ng h p b t kh kháng;
- ❖ Có n xin t ch c;
- ❖ Các tr ng h p khác phù h p v i quy nh pháp lu t.

7.2. Tr ng h p s l ng thành viên H i ng qu n tr b gi m quá 1/3 so v i s l ng quy nh t i i u l công ty, thì H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i H i ng c ông trong th i h n không quá 60 ng ày b u b sung thành viên H i ng qu n tr .

i u 28. T ng Giám c

1. H i ng qu n tr b nhi m ho c thuê T ng Giám c.

T ng Giám c là ng i i u hành m i ho t ng kinh doanh hàng ngày c a Công ty, ch u s giám sát c a H i ng qu n tr và ch u trách nhi m tr c H i ng qu n tr và tr c pháp lu t v vi c th c hi n các quy n và nhi m v c giao.

Nhi m k c a T ng Giám c không quá n m n m; có th c b nhi m l i v i s nhi m k không h n ch .

2. Quy n và nhi m v c a T ng Giám c:

- ❖ Quy t nh các v n liên quan n công vi c kinh doanh hàng ngày c a công ty mà không c n ph i có quy t nh c a Ch t ch H i ng qu n tr Công ty.
- ❖ T ch c th c hi n quy t nh c a Ch t ch H i ng qu n tr Công ty.
- ❖ T ch c th c hi n k ho ch kinh doanh và ph ng án u t c a công ty;

❖ Kiến nghị ph ng án c c u t ch c, ki n ngh ho c ban hành quy ch qu n lý n i b công ty;

❖ B nh i m, mi n nh i m, cách ch c các ch c danh qu n lý trong công ty, tr các ch c danh thu c th m quy n c a Ch t ch, H i ng qu n tr Công ty.

❖ Sau khi c Ch t ch H QT công ty y quy n, ký k t h p ng nhân danh công ty, tr tr ng h p thu c th m quy n c a H i ng qu n tr .

❖ Trình báo cáo quy t toán tài chính hàng n m lên Ch t ch H i ng qu n tr .

❖ Kiến nghị ph ng án s d ng l i nhu n ho c x lý l trong kinh doanh;

❖ Tuy n d ng lao ng;

❖ Các quy n và nh i m v khác c quy nh t i i u l này, h p ng lao ng mà T ng Giám c ký v i công ty theo quy t nh c a Ch t ch, H i ng qu n tr .

3. Tiêu chu n và i u ki n làm T ng Giám c

❖ Có n ng l c pháp lu t và n ng l c hành vi dân s , không thu c i t ng b c m qu n lý doanh nghi p theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p;

❖ Không ph i là ng i có liên quan c a ng i qu n lý, ng i có th m quy n tr c ti p b nh i m ng i i di n theo u quy n;

❖ Có thâm niên công tác ít nh t 03 n m trong l nh v c tài chính, Ngân hàng, ho c b o hi m;

❖ Có ch ng ch hành ngh kinh doanh ch ng khoán ho c i u ki n c c p ch ng ch hành ngh kinh doanh ch ng khoán theo quy inh t i i m b kho n l i u 79 Lu t ch ng khoán;

❖ Không ph i là ng i hành ngh ã b U ban Ch ng khoán Nhà n c thu h i ch ng ch hành ngh theo quy nh t i i m b kho n l i u 80 Lu t Ch ng khoán;

❖ Không c ng th i làm Giám c ho c T ng Giám c t i m t doanh nghi p khác;

❖ Không ph i là ch doanh nghi p t nhân, thành viên h p danh c a công ty h p danh, Giám c ho c T ng Giám c, Ch t ch và thành viên H i ng qu n tr , thành viên H i ng thành viên c a doanh nghi p b tuyên b phá s n trong th i h n 3 n m k t ngày doanh nghi p b tuyên b phá s n, tr tr ng h p doanh nghi p b tuyên b phá s n do nguyên nhân b t kh kháng;

4. Mi n nh i m, b i nh i m T ng Giám c

T ng Giám c công ty b mi n nh i m, b i nh i m trong các tr ng h p sau:

❖ Không có tiêu chu n và i u ki n làm T ng Giám c theo quy nh t i kho n 3 i u này;

❖ Có n xin t ch c;

❖ Các tr ng h p khác phù h p v i quy nh pháp lu t.

i u 29. Ban Ki m soát

1. Ban Ki m soát có ba thành viên, nhi m k c a Ban ki m soát không quá n m n m;

Ban Ki m soát th c hi n giám sát H i ng qu n tr , T ng Giám c trong vi c qu n lý và i u hành công ty; ch u trách nhi m tr c pháp lu t, i h i ng c ông và ch s h u công ty, v vi c th c hi n các quy n và nhi m v c a mình.

2. Quy n và nhi m v c a Ban Ki m soát

- ❖ Ki m tra tính h p lý, h p pháp, tính trung th c và m c c n tr ng trong qu n lý, i u hành ho t ng kinh doanh, trong t ch c công tác k toán, th ng kê và l p báo cáo tài chính.
- ❖ Th m nh báo cáo tình hình ho t ng kinh doanh, báo cáo tài chính hàng n m, hàng quý và sáu tháng c a công ty, báo cáo ánh giá công tác qu n lý c a H i ng qu n tr , H i ng thành viên cho i h i ng c ông;
- ❖ Ki n ngh i h i ng c ông các gi i pháp s a i, b sung, c c ut ch c qu n lý, i u hành công vi c kinh doanh c a công ty;
- ❖ Xem xét s k toán và các tài li u khác c a công ty, các công vi c qu n lý, i u hành ho t ng c a công ty b t c khi nào xét th y c n thi t ho c theo quy t nh c a i h i ng c ông ho c theo yêu c u c a c ông ho c nhóm c ông quy nh t i kho n 2 i u 79 c a Lu t Doanh nghi p;
- ❖ Các nhi m v khác quy nh t i i u l này ho c theo yêu c u, quy t nh c a ch s h u công ty, c a i h i ng c ông.

3. Tiêu chu n và i u ki n thành viên Ban Ki m soát

- ❖ T 21 tu i tr lên, có n ng l c hành vi dân s và không thu c i t ng b c m thành l p và qu n lý doanh nghi p theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p;
- ❖ Không ph i là ng i có liên quan c a Ch t ch H QT công ty, c a thành viên H i ng qu n tr , T ng Giám c, ng i có th m quy n tr c ti p b nhi m Ki m soát viên và ng i qu n lý khác;
- ❖ Có trình chuyên môn v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán;
- ❖ Có trình chuyên môn ho c kinh nghi m ngh nghi p v k toán, ki m toán ho c trình chuyên môn, kinh nghi m th c t trong ngành tài chính, ngân hàng;
- ❖ Ít nh t có m t thành viên là k toán viên ho c ki m toán viên;
- ❖ Các i u ki n và tiêu chu n khác phù h p v i quy nh pháp lu t.

4. Mi n nhi m, bãi nhi m Ban ki m soát

Thành viên Ban ki m soát b mi n nhi m, bãi nhi m trong các tr ng h p sau:

- ❖ Không có tiêu chu n và i u ki n làm thành viên Ban ki m soát theo quy nh t i kho n 3 i u này;
- ❖ Không th c hi n quy n và nhi m v c a mình trong sáu tháng liên t c, tr tr ng h p b t kh kháng
- ❖ Có n xin t ch c;

- ❖ Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật.

CHƯƠNG V

THÙ LAO, TÍN LŨNG VÀ THƯỜNG CẢ

CHO NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 30. Thù lao, tín dụng và lợi ích khác của người quản lý công ty

1. Công ty có quy định thù lao, tín dụng cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thù lao, tín dụng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc như sau:
 - ❖ Thành viên Hội đồng quản trị có thù lao công việc và tín dụng;
 - ❖ Thành viên Hội đồng quản trị có quy định thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ công giao;
 - ❖ Tổng Giám đốc có trợ cấp và tín dụng.

Điều 31. Thù lao, tín dụng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát có thù lao công việc và có hưởng các lợi ích khác theo quy định của Hội đồng;
2. Thành viên Ban Kiểm soát có thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ và các chi phí khác.

Điều 32. Thù lao, tín dụng và thường cả của người quản lý và thành viên Ban kiểm soát công ty được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật và thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.

CHƯƠNG VI

NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 33. Nghĩa vụ của người quản lý công ty và thành viên Ban Kiểm soát

- ❖ Tuân thủ pháp luật, nội quy công ty quy định của Hội đồng và các quy định khác trong văn bản các quy định và nhiệm vụ công giao;
- ❖ Thực hiện quy định và nhiệm vụ công giao một cách trung thực, cẩn trọng, tận tâm nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty và lợi ích của công ty;
- ❖ Trung thành với lợi ích của công ty và chủ sở hữu, công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, các dữ liệu kinh doanh của công ty, lợi ích cá nhân, chức vụ và tài sản của công ty để lợi dụng hoặc vì lợi ích cá nhân khác;

- ❖ Thông báo kết quả, chính xác cho công ty và doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm cho có cơ sở phân, phân vân góp chi phí. Thông báo này có niêm yết trên chính và chi nhánh của công ty;
- ❖ Thành viên các ngành khác theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Hợp đồng, giao dịch của công ty và người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty và các cá nhân sau đây phải công khai công bố công chúng như sau:
 - ❖ Công đồng, người đi đầu quy định các công suất 35% tổng số phân phối thông của công ty và ngành người có liên quan của họ;
 - ❖ Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - ❖ Doanh nghiệp quy định thời gian và phạm vi khoản 1 điều 118 của Luật doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.
2. Các hợp đồng, giao dịch bất bình đẳng và xử lý theo quy định của pháp luật khi giao kết hoặc thực hiện mà các số chênh lệch theo quy định khoản 1 của điều này và các quy định pháp luật khác.

CHƯƠNG VII NỘI DUNG TÀI CHÍNH, HỒ SƠ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 35. Nội dung tài chính

Nội dung tài chính của Công ty bắt đầu ngày đầu tiên của tháng mở hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Nội dung tài chính đầu tiên bắt đầu ngày khai trương hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 36. Hồ sơ kế toán

1. Công ty sử dụng Hồ sơ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hồ sơ kế toán của Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chế độ khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chú ý kiểm tra các cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê;
2. Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ có thể chứng minh và ghi trình các giao dịch của Công ty;

Điều 37. Kiểm toán

Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được kiểm toán độc lập hoặc thông qua pháp lý Việt Nam và được Ủy ban Chế độ khoán Nhà nước chấp thuận xác nhận. Trường hợp công ty mới đi vào hoạt động chưa quá thời gian 4 tháng cho nên thì miễn kiểm toán nội dung tài chính, Báo cáo tài chính của năm đó không phải kiểm toán.

Điều 38. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

1. Công ty phải thực hiện chế độ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi cần thiết. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu báo cáo.
2. Công ty thực hiện chế độ công bố thông tin ra công chúng theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII

NGUYÊN TẮC PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỢI VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUẢN

Điều 39. Điều khoản chia lợi nhuận

Công ty thực hiện chia lợi nhuận cho các cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngừng dividend tạm thời thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản ngắn hạn khác sau khi chia lợi nhuận.

Điều 40. Xử lý lợi trong kinh doanh

Lợi nhuận trước thuế xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp có Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 41. Trích lập các Quản theo quy định

1. Hàng năm, Công ty trích lợi nhuận sau thuế lập các quản sau đây:
 - ❖ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ bằng 5% lợi nhuận ròng cho năm khi bằng 10% mức vốn điều lệ;
 - ❖ Quỹ phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ bằng 5% lợi nhuận ròng cho năm khi bằng 10% vốn điều lệ;
 - ❖ Quỹ phòng giảm giá chứng khoán;
 - ❖ Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
 - ❖ Các quản khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc quản lý và sử dụng các quản này thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IX

TỔNG CỤC LỢI CÔNG TY, TỔNG TRANH CHẾ P, GIỚI THIỆU, PHÂN SẴ CÔNG TY

Điều 42. Tổng cục lợi công ty

Công ty thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 43. Tranh chấp

1. Công ty có quy định bằng nội quy pháp luật về nội bộ pháp nhân, thì nhân khi có tranh chấp.
2. Công ty tôn trọng và chấp hành các chế tài của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật khác.

Điều 44. Giám đốc và thanh lý

1. Công ty giám đốc hoặc chủ tịch trong các trường hợp sau:
 - ❖ Khi thôi nhậm chức trong nội quy này nhưng không xin gia hạn, hoặc xin gia hạn nhưng không được quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;
 - ❖ Khi hết hạn công bố quy tắc giám đốc Công ty, và Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ;
 - ❖ Công ty Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Trường hợp công ty giám đốc khi kết thúc thôi nhậm chức phải có Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
3. Hội đồng Quản trị công ty thành lập Ban thanh lý giám đốc quy tắc tài sản của Công ty khi thôi nhậm chức giám đốc, có sự giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình giám đốc do Ban thanh lý giám đốc quy tắc và chịu trách nhiệm về các quy tắc của mình trước Hội đồng Quản trị công ty và pháp luật.

Điều 45. Phá sản

Việc phá sản công ty thực hiện theo quy định của pháp luật phá sản và các quy định khác của pháp luật có liên quan trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

CHƯƠNG X

THỰC SỰ VÀ BỔ SUNG NỘI QUY

Điều 46. Bổ sung và Sửa đổi nội quy

1. Việc sửa đổi, bổ sung nội quy này phải có sự đồng ý của Hội đồng Giám đốc xem xét quy tắc.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan hoặc của Công ty khác có liên quan trong nội quy này hoặc trong trường hợp có những quy định của pháp luật khác và những điều khoản trong nội quy này thì những quy định của pháp luật có liên quan sẽ áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XI. NGÀY HIỆN QUẢN

Điều 47. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 11 Chương 47 điều lệ chi tiết của Công ty Cổ phần Chương khoán Nhà Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 03 năm 2009 tại trụ sở hoạt động của Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của điều lệ này.
2. Điều lệ có hiệu lực thành 01 bản duy nhất.
3. Điều lệ này là bản chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục điều lệ công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.
5. Điều lệ có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 03 năm 2009.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2009.

TM. IBI U IHI NGC ÔNG L NTH NH T
CH T A OÀN – CH T CH H QT